TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2025
Về việc "*Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lâm Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T

2. *Bị đơn*: Chị Lê Thị Kiều M, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Văn C trình bày:* Anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Thời gian đầu hôn nhân giữa anh C và chị M chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2013, chị Lê Thị Kiều M bỏ nhà đi và ly thân cho đến nay. Nay, anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kiều M.

Con chung: Trong quá trình chung sống thì anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M có 01 người con chung tên Lâm Q, sinh ngày 07/12/2008, hiện con chung đang sống chung với anh C và phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Anh C yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến trình bày của Lâm Q: Cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng được sống chung với cha, vì từ nhỏ đến giờ Lâm Q sống chung với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện đúng theo các quy định tại các Điều 72, 177, 196, 203, 205, 208, 209,210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82,83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho anh Lâm Văn C được ly hôn với chị Lê Thị Kiều M.

Con chung: Giao con Lâm Q cho anh Lâm Văn C trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của Lâm Q. Anh Lâm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu.

Anh Lâm Văn C chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lâm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Kiều M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Anh Lâm Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị Lê Thị Kiều M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

[4] Anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 nhưng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị M đã bỏ nhà đi từ 2013 và ly thân cho đến nay. Qua xác minh chính quyền địa phương thì chị M rời bỏ địa phương từ rất lâu. Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh C và chị M đã ly thân thời gian khá dài, Tòa án gửi giấy mời nhiều lần nhưng chị M không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị và anh C thể hiện chị M không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Căn cứ quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Thời gian dài anh C và chị M đã không quan tâm, chăm sóc nhau, không giúp đỡ nhau trong cuộc sống, đã bỏ mặt nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho anh C ly hôn với chị M là có cơ sở.

[5] Con chung: Anh Lâm Văn C và chị Lê Thị Kiều M có 01 người con chung tên Lâm Q, sinh ngày 07/12/2008 hiện đang sống chung với anh C phát triển bình thường về tinh thần và thể chất và có nguyện vọng tiếp tục chung sống với C. Vì vậy, giao con chung tên Lâm Q cho anh Lâm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung tên Lâm Q là phù hợp với quy định và phát triển bình thường cho con chung tên Lâm Q. Anh Lâm Văn C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí: Anh Lâm Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Lâm Văn C. Cho anh Lâm Văn C được ly hôn với chị Lê Thị Kiều M.

Con chung: Giao con chung tên Lâm Q, sinh ngày 07/12/2008 cho anh Lâm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lâm Văn C không yêu cầu chị Lê Thị Kiều M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lâm Văn C trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc Anh Lâm Văn C chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà anh C đã nộp theo biên lai số 0009375 ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh C không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đoàn Thị Thu Trang

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.